

Công ước Basel

về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu huỷ chúng

CÁC BÊN THAM GIA CÔNG ƯỚC

Ý thức được những thiệt hại mà các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác, cũng như việc vận chuyển chúng qua biên giới có thể gây ra đối với sức khỏe con người và môi trường.

Thấy rõ sự đe dọa ngày càng tăng đối với sức khỏe con người và môi trường do tính chất phức tạp của các chất thải, việc sản xuất ra nhiều phế thải nguy hiểm và các phế thải khác và việc vận chuyển chúng qua các biên giới.

Cùng thấy rõ cách tốt nhất để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường khỏi nguy hiểm của các phế thải này là giảm việc sản sinh ra chúng tới mức tối đa, cả về mặt số lượng cũng như mức độ độc hại nguy hiểm.

Tin tưởng rằng các quốc gia sẽ có những biện pháp cần thiết để làm cho việc quản lý các phế thải độc hại và các loại phế thải khác, bao gồm việc vận chuyển và tiêu huỷ chúng, phải phù hợp với việc vào vệ sức khỏe con người và môi trường, bất kể nơi tiêu huỷ các phế thải đó ở đâu.

Ghi nhận rằng các quốc gia phải giám sát để bảo đảm rằng những người sản xuất phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến việc vận chuyển và tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm các loại phế thải khác một cách phù hợp với việc bảo vệ môi trường, bất kể nơi tiêu huỷ chúng ở đâu.

Thừa nhận hoàn toàn rằng mọi quốc gia có quyền cấm việc đưa vào hoặc tiêu huỷ các phế thải độc hại và các loại phế thải khác của nước ngoài trên lãnh thổ nước mình.

Cũng thừa nhận sự ủng hộ ngày càng tăng đối với việc cấm vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu huỷ các phế thải đó trên lãnh thổ nước khác, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Tin tưởng rằng các phế thải nguy hiểm và các loại phế thải khác, trong khuôn khổ phù hợp với việc quản lý hệ sinh thái hợp lý và hiệu quả, phải được tiêu huỷ ngay trong quốc gia đã sản sinh ra chúng.

Cũng ý thức được rằng việc vận chuyển các phế thải từ quốc gia sản sinh ra chúng tới bất kỳ quốc gia nào khác, chỉ được phép khi việc vận chuyển đó được thực hiện trong điều kiện bảo đảm không gây ra bất cứ nguy hiểm nào cho sức khỏe con người và môi trường, phù hợp với các điều khoản của Công ước này.

Thấy rằng việc gia tăng kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác sẽ khuyến khích việc quản lý hợp lý về mặt sinh thái đối với các phế thải này và khuyến khích việc giảm khối lượng vận chuyển tương ứng.

Tin tưởng rằng các quốc gia phải có những biện pháp để bảo đảm việc trao đổi thuận lợi các thông tin và một sự kiểm soát thực tế việc vận chuyển đi hoặc đến các quốc gia khác các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

Ghi nhận rằng đã có một số hiệp định quốc tế và khu vực về vấn đề bảo vệ và gìn giữ môi trường mỗi khi có hàng hoá nguy hiểm quá cảnh các nước.

Tinh tởi Tuyên bố của Hội nghị của Liên Hợp Quốc về môi trường (Stockholm - 1972), đường lối chỉ đạo và các nguyên tắc Cairo về việc quản lý hợp lý sinh thái đối với các phế thải nguy hiểm, do Hội đồng quản trị Chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc (PNUE) thông qua

trong Quyết định 14/30 ngày 17 - 6 - 1987, các khuyến nghị của Ủy ban chuyên gia của Liên Hợp Quốc về vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm (được xây dựng năm 1957 và xem xét lại 2 năm một lần), các khuyến nghị, tuyên bố, văn kiện và thể lệ thích hợp đã được thông qua trong khuôn khổ hệ thống Liên Hợp Quốc cũng như các công việc và các nghiên cứu do các tổ chức quốc tế và khu vực tiến hành.

Ý thức được tinh thần, nguyên tắc, mục đích và chức năng của Hiến chương thế giới về bảo vệ thiên nhiên do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tại phiên họp lần thứ 37 (1982) như là thước đo đạo đức về bảo vệ con người và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên.

Khẳng định rằng các quốc gia phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế liên quan đến bảo vệ sức khoẻ con người cũng như bảo vệ và gìn giữ môi trường và phải chịu trách nhiệm về mặt này trước pháp luật quốc tế.

Thừa nhận rằng trong trường hợp vi phạm nội dung cơ bản các điều khoản của Công ước này hoặc của các Nghị định thư liên quan, thì những điều khoản thích hợp của luật pháp quốc tế sẽ được áp dụng.

Ý thức được tăng cần phải tiếp tục phát minh và ứng dụng những kỹ thuật ít gây ô nhiễm và thích hợp với hệ sinh thái, các biện pháp xử lý lại và các hệ thống thích hợp về bảo dưỡng và quản lý, nhằm giảm đến mức tối đa việc sản sinh ra phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

Cũng ý thức được thực tế là Cộng đồng quốc tế ngày càng quan tâm tới sự cần thiết phải kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác và sự cần thiết phải giảm tới mức tối thiểu, trong điều kiện có thể, việc vận chuyển này.

Lo lắng về việc vận chuyển bất hợp pháp qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

Cũng cần chú ý tới thực tế là các nước đang phát triển có khả năng rất hạn chế để quản lý các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

Thừa nhận rằng cần thiết thúc đẩy việc chuyển giao, nhất là sang các nước đang phát triển, những kỹ thuật nhằm bảo đảm sự quản lý thích hợp những phế thải nguy hiểm và các phế thải khác được sản sinh ngay trong các nước đó, theo tinh thần của những đường lối chỉ đạo Cairo và Quyết định 14/16 của Hội đồng quản trị Chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc (PNUE) và việc thúc đẩy việc chuyển giao kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Cũng thừa nhận rằng các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác phải được chuyên chở phù hợp với các điều khoản của các Công ước và Khuyến nghị quốc tế hiện hành.

Cũng tin tưởng rằng: Việc vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm và các phế thải khác chỉ được phép khi việc vận chuyển và tiêu huỷ cuối cùng các phế thải này được thừa nhận là hợp lý về mặt sinh thái.

Kiên quyết, bằng việc kiểm soát chặt chẽ, bảo vệ sức khoẻ con người và bảo vệ môi trường chống những hậu quả độc hại mà nguồn gốc là do việc sản sinh và quản lý các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

Thoả thuận những điều sau đây:

Điều 1. Phạm vi áp dụng của công ước

1. Chiếu theo Công ước này những phế thải sau đây, là đối tượng của vận chuyển qua biên giới, được coi là "phế thải nguy hiểm".

a. Các phế thải thuộc một trong những loại ghi trong phụ bản I, trừ khi các phế thải này không có 1 tính chất ghi trong phụ bản III, và

b. Các phế thải không thuộc các phế thải quy định trong các điều khoản trong tiết mục a, nhưng lại được xác định hoặc được coi là nguy hiểm bởi luật pháp của nước xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh.

1. Chiều theo Công ước này, những phế thải thuộc một trong các loại ghi ở phụ bản II và là đối tượng của việc vận chuyển qua biên giới sẽ được coi là các phế thải khác.

2. Các phế thải, vì lý do phóng xạ, sẽ phải tuân thủ những hệ thống kiểm soát quốc tế khác, bao gồm cả những văn kiện quốc tế áp dụng riêng biệt cho các vật liệu phóng xạ, thì không thuộc phạm vi áp dụng của Công ước này.

3. Các phế thải sản sinh từ việc khai thác bình thường của một con tàu và việc vất bỏ phế thải đó là đối tượng của một văn kiện quốc tế khác thì không thuộc phạm vi áp dụng của Công ước này.

Điều 2. Các định nghĩa

1. Chiều theo Công ước này, cần hiểu: "Phế thải" là các chất hoặc các đồ vật mà người ta tiêu huỷ, có ý định tiêu huỷ hoặc phải tiêu huỷ chiều theo các điều khoản của luật lệ quốc gia.

2. "Quản lý" là việc thu thập, vận chuyển và tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác, bao gồm cả việc giám sát các địa điểm tiêu huỷ.

3. "Vận chuyển qua biên giới" là mọi vận chuyển các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác từ một vùng thuộc thẩm quyền của một quốc gia và đến một vùng của một quốc gia, hoặc quá cảnh qua vùng này hoặc một vùng không thuộc quốc gia nào, hoặc quá cảnh qua vùng này, miễn sao có 2 quốc gia liên quan trong việc vận chuyển này.

4. "Tiêu huỷ" là mọi hoạt động nêu trong phụ bản IV của Công ước này.

5. "Địa điểm hoặc cơ sở được chấp thuận" là một địa điểm hoặc một cơ sở mà ở đó việc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác được tiến hành thế theo giấy phép hoặc giấy phép khai thác do các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi có các cơ sở hoặc địa điểm cấp.

6. "Cơ quan có thẩm quyền" là cơ quan quyền lực chính được một bên tham gia chỉ định để tiếp nhận, trọng phạm vi địa lý được xác định trước, những thông báo về việc vận chuyển qua biên giới những phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác cũng như nhận tất cả những thông tin liên quan đến việc vận chuyển, và thể hiện lập trường đối với thông báo như quy định tại Điều 6.

7. "Thông tin viên" là cơ quan của một bên tham gia Công ước như nêu ở Điều 5 và có trách nhiệm nhận và thông báo những tin tức theo quy định trong Điều 13 và 16.

8. "Quản lý hợp lý về sinh thái các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác" là mọi biện pháp thực tế cho phép bảo đảm rằng những phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được quản lý một cách sao cho bảo đảm được việc bảo vệ sức khỏe con người và môi trường chống tác hại của các phế thải này.

9. "Vùng thuộc thẩm quyền quốc gia của một nhà nước" là tất cả vùng đất, biển, trời trong đó một nhà nước thực hiện, phù hợp với luật pháp quốc tế việc quản lý hành chính hoặc thể chế trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe con người hoặc môi trường.

10. "Quốc gia xuất khẩu" là tất cả các Bên tham gia mà từ đó dự kiến xuất phát hoặc xuất phát điểm của một sự vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác.

11. "Quốc gia nhập khẩu" là tất cả các Bên tham gia mà việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác đến đó để tiêu huỷ hoặc tập kết ở đó trước khi tiêu huỷ trong vùng không thuộc thẩm quyền của bất kỳ quốc gia nào.

12. "Quốc gia quá cảnh" là tất cả các quốc gia, ngoài quốc gia xuất khẩu và nhập khẩu, mà qua đó việc vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được dự kiến hoặc đang được thực hiện.

13. "Các quốc gia liên quan" là tất cả các Bên là quốc gia xuất khẩu hay nhập khẩu hay quá cảnh, bất kể đó là các Bên tham gia Công ước hay không.
14. "Pháp nhân" là tất cả pháp nhân cụ thể hay tinh thần.
15. "Người xuất khẩu" là tất cả mọi pháp nhân chịu sự xử lý pháp luật của quốc gia xuất khẩu và họ tiến hành xuất khẩu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác.
16. "Người nhập khẩu" là tất cả mọi pháp nhân chịu sự xử lý pháp luật của quốc gia nhập khẩu và họ tiến hành nhập khẩu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác.
17. "Người vận chuyển" là tất cả mọi pháp nhân vận chuyển các phế thải nguy hiểm hoặc phế thải khác.
18. "Người sản xuất" là tất cả mọi pháp nhân mà hoạt động của họ sản sinh ra phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác hoặc nếu một pháp nhân không đăng ký, thì người sản xuất là người sở hữu các phế thải này hoặc họ kiểm soát các phế thải này.
19. "Người tiêu huỷ" là tất cả các pháp nhân và thực hiện việc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác.
20. "Tổ chức nhất thể hóa chính trị hay kinh tế" là tất cả các tổ chức được các quốc gia có chủ quyền lập ra để các nước là thành viên có thẩm quyền chuyển đổi trong sự liên quan của các vấn đề ảnh hưởng bởi Công ước này và nó sẽ uỷ quyền đầy đủ theo các thủ tục trong phạm vi mỗi nước để ký kết, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt chính thức thừa nhận hoặc tham gia nó.
21. "Vận chuyển trái phép" là mọi việc vận chuyển các chất thải nguy hiểm hoặc các chất thải khác như quy định ở Điều 9.

Điều 3. Định nghĩa quốc gia có phế thải nguy hiểm

1. Mỗi bên tham gia Công ước thông báo cho Ban thư ký Công ước trong thời hạn 6 tháng sau khi trở thành một Bên tham gia Công ước, các phế thải ngoài các phế thải đã ghi trong phụ bản I và II được coi hoặc được xác định là nguy hiểm bởi luật pháp quốc gia, cũng như tất cả mọi điều khoản liên quan đến thủ tục về vận chuyển qua biên giới áp dụng cho các phế thải này.
2. Mỗi Bên tham gia sau đó báo cho Ban thư ký mọi sự thay đổi quan trọng đối với những chi tiết mà họ đã thông báo thể theo đoạn 1 trên đây.
3. Ban thư ký thông báo ngay lập tức cho các Bên tham gia những thông tin mà họ nhận được thể theo đoạn 1 và 2 trên đây.
4. Các Bên tham gia phải chuyển cho người xuất khẩu của họ những thông tin đã được thông báo bởi Ban thư ký thể theo đoạn 3 trên đây.

Điều 4. Nghĩa vụ chung

1. ...

- a. Các Bên tham gia thực hiện quyền của họ cấm việc nhập các chất thải nguy hiểm hoặc các chất thải khác cho việc tiêu huỷ, phải thông báo cho các Bên tham gia khác quyết định của họ theo đúng Điều 13.
- b. Các Bên tham gia cấm hoặc không cho phép xuất khẩu các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác vào các Bên tham gia Công ước cấm nhập những phế thải đó, một khi việc cấm nhập đó đã được thông báo phù hợp với các quy định ở tiêu đoạn (a) trên đây.
- c. Các Bên tham gia cấm hoặc không cho phép xuất khẩu những phế thải nguy hiểm và các phế thải khác nếu quốc gia nhập khẩu có văn bản từ chất riêng biệt của họ đối với việc nhập khẩu các phế thải này, trong trường hợp quốc gia nhập khẩu không cấm nhập khẩu các loại phế thải này.

1. Mỗi Bên tham gia cần có quy định thích hợp để:

a. Theo dõi để việc sản sinh ra các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác ở trong nước phải được giảm đến mức tối thiểu, có tính đến việc xem xét cụ thể về xã hội, kỹ thuật và kinh tế.

b. Bảo đảm xây dựng các cơ sở thích hợp cho việc tiêu huỷ, các cơ sở này trong khuôn khổ có thể được, phải được đặt ở bên trong lãnh thổ của nước đó, nhằm để quản lý hợp lý hệ sinh thái đối với các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác bất kể các phế thải đó được tiêu huỷ ở đâu.

c. Theo dõi để các pháp nhân chịu trách nhiệm quản lý các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác ở trong nước, phải thực hiện những biện pháp cần thiết để đề phòng ô nhiễm do việc quản lý này gây ra và nếu xảy ra ô nhiễm, thì giảm tới mức tối thiểu hậu quả đối với sức khoẻ con người và môi trường.

d. Theo dõi để cho việc vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm và các phế thải khác phải giảm tới mức tối thiểu, phù hợp với việc quản lý các phế thải kể trên có hiệu quả và hợp lý với hệ sinh thái và việc vận chuyển đó phải được tiến hành một cách tốt nhất để bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường chống lại hậu quả độc hại do việc vận chuyển gây ra.

e. Cấm xuất các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác tới các quốc gia hoặc nhóm các quốc gia cùng thuộc tổ chức nhất thể hoá chính trị hay kinh tế cũng là những Bên tham gia Công ước nhất là những nước đang phát triển, những nước mà luật lệ đã xâm nhập hoặc Bên tham gia đó có lý do để tin rằng các phế thải đang đề cập trên đây không được quản lý hợp lý về sinh thái như các tiêu chuẩn mà các Bên tham gia sẽ thông qua trong phiên họp đầu tiên.

f. Đòi hỏi rằng các chi tiết liên quan đến việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác phải được thông báo cho các quốc gia liên quan, phù hợp với phụ bản V.A. để các quốc gia này có thể đánh giá hậu quả đối với sức khoẻ con người và môi trường của việc vận chuyển được dự định.

g. Ngăn chặn việc nhập khẩu các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác nếu Bên tham gia đó có lý do để tin rằng các phế thải đang đề cập đó không được quản lý theo các biện pháp thích hợp về mặt sinh thái.

h. Hợp tác với các Bên tham gia khác và các tổ chức liên quan trực tiếp hoặc thông qua Ban thư ký, trong các hoạt động liên quan đến việc phổ biến các tin tức về vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác nhằm tăng cường sự quản lý thích hợp về mặt sinh thái các phế thải trên và ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp.

1. Các Bên tham gia cho rằng việc vận chuyển bất hợp pháp các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác là hành vi phạm tội hình sự.

2. Mỗi Bên tham gia phải có những biện pháp pháp lý, hành chính và các biện pháp khác cần thiết để thực hiện và làm cho các biện pháp khác cần thiết để thực hiện và làm cho các điều khoản của Công ước này phải được tôn trọng, kể cả những biện pháp thích đáng để phòng ngừa và trấn áp các hành vi trái Công ước.

3. Các Bên tham gia không cho phép xuất khẩu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác sang quốc gia không phải là liên quan tham gia Công ước hoặc nhập những phế thải ấy từ một quốc gia không phải là Bên tham gia Công ước.

4. Các Bên tham gia thoả thuận cấm xuất các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác nhằm mục đích tiêu huỷ chúng ở trong vùng nằm phía nam vĩ tuyến thứ 60 Nam bán cầu, dù những phế thải này có là đối tượng của việc chuyển chở qua biên giới hay không.

5. Ngoài ra, mỗi Bên tham gia:

a. Cấm tất cả các pháp nhân thẩm quyền quốc gia của mình chuyên chở hoặc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác nếu chở không được phép hoặc không đủ tư cách làm các công việc đó.

b. Đòi rằng các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác là đối tượng của việc chuyên chở phải được đóng gói, dán nhãn hiệu và vận chuyển phù hợp với những thể lệ và tiêu chuẩn quốc tế đã được chấp nhận và thừa nhận rộng rãi về lĩnh vực đóng gói, dán nhãn hiệu và vận chuyển và phải chiếu cố tới những thực tế được quốc tế chấp nhận về vấn đề này.

c. Đòi rằng các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác phải được kèm theo các giấy tờ đi chuyên đi từ nơi gốc đến nơi tiêu huỷ.

1. Mỗi Bên tham gia đòi rằng các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được dự kiến xuất khẩu phải được quản lý theo các phương pháp thích hợp về sinh thái tại quốc gia nhập khẩu hoặc bất cứ nơi nào khác. Tại phiên họp đầu tiên, các Bên tham gia sẽ ấn định các nguyên tắc chỉ đạo kỹ thuật để quản lý hợp lý về sinh thái chiếu theo Công ước này.

2. Các Bên tham gia ấn định những biện pháp hữu hiệu để cho việc vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm và các phế thải khác chỉ được phép khi:

a. Nếu quốc gia xuất khẩu không có phương tiện kỹ thuật và các cơ sở cần thiết hoặc địa điểm tiêu huỷ thích đáng để tiêu huỷ các phế thải nêu trên theo các biện pháp hợp lý về sinh thái và có hiệu quả; hoặc

b. Nếu các phế thải nêu trên thuộc loại nguyên liệu thô, cần thiết cho công nghiệp tái chế hoặc thuộc loại vật liệu cần thu hồi của quốc gia nhập khẩu.

c. Nếu việc vận chuyển qua biên giới kể trên phù hợp với các tiêu chuẩn do các Bên tham gia ấn định mà các tiêu chuẩn này không mâu thuẫn với mục tiêu Công ước này.

1. Nghĩa vụ, chiếu theo Công ước này, của những quốc gia sản sinh ra phế thải nguy hiểm và các phế thải khác là họ phải xử lý các phế thải này hợp lý với hệ sinh thái chứ không được chuyển nghĩa vụ này cho quốc gia nhập khẩu hoặc quá cảnh.

2. Không có điều nào trong Công ước này ngăn cản được một Bên tham gia, đặt những điều kiện bổ sung phù hợp với các điều khoản của Công ước này và phù hợp với thể lệ luật pháp quốc tế nhằm bảo vệ tốt hơn sức khoẻ của con người và môi trường.

3. Không một điều khoản nào trong Công ước này được vi phạm dù dưới bất cứ hình thức nào, chủ quyền quốc gia về hải phận phù hợp với luật pháp quốc tế, tới quyền tự chủ và luật pháp mà các quốc gia đó thực hiện trong vùng kinh tế đặc quyền và trên thêm lục địa phù hợp với luật pháp quốc tế, tới việc hoạt động của các tàu thuyền và máy bay của tất cả các quốc gia và việc tự do đi lại thể theo luật pháp quốc tế.

4. Các Bên tham gia cam kết xem xét định kỳ những khả năng giảm khối lượng hoặc khả năng gây ô nhiễm của các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác xuất khẩu sang các nước khác, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Điều 5. Chỉ định các cơ quan có thẩm quyền và thông tin viên

Để tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện Công ước này, các Bên tham gia:

1. Chỉ định hoặc thành lập hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền và một thông tin viên. Một cơ quan có thẩm quyền được chỉ định để nhận những thông báo trong trường hợp đó là quốc gia quá cảnh.

2. Thông báo cho Ban thư ký, trong thời hạn 3 tháng kể từ khi Công ước có hiệu lực, những cơ quan mà các Bên tham gia chỉ định là cơ quan có thẩm quyền hoặc là thông tin viên.

3. Thông báo cho Ban thư ký mọi sự thay đổi liên quan đến việc chỉ định theo đoạn 2 trên đây, trong thời hạn một tháng kể từ ngày quyết định sự thay đổi đó.

Điều 6. Vận chuyển qua biên giới giữa các Bên tham gia

1. Quốc gia xuất khẩu thông báo bằng văn bản qua cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu, cho cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia liên quan đến vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm và các phế thải khác hoặc đòi hỏi người sản sinh hoặc xuất khẩu phế thải phải làm như vậy. Nhưng thông báo đó chứa đựng những khai báo tin tức theo quy định tại phụ lục V.A. bằng ngôn ngữ mà nước nhập khẩu chấp nhận được. Mỗi quốc gia liên quan phải được nhận một thông báo.

2. Quốc gia nhập khẩu thông báo lại bằng văn bản đã nhận được thông báo cho người thông báo khẳng định sự đồng ý cho việc chuyên chở với sự bảo lưu hoặc không bảo lưu, hoặc từ chối cho phép vận chuyển hoặc yêu cầu thêm những thông tin. Một bản sao sự trả lời cuối cùng của quốc gia nhập khẩu được gửi cho các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia là các Bên tham gia liên quan.

3. Quốc gia xuất khẩu không cho phép người sản sinh ra phế thải hoặc người xuất khẩu phế thải tiến hành vận chuyển qua biên giới trước khi nhận được sự xác nhận bằng văn bản là:

a. Người thông báo đã nhận được sự đồng ý bằng văn bản của quốc gia nhập khẩu và rằng

b. Người thông báo đã nhận được từ quốc gia nhập khẩu sự xác nhận có hợp đồng giữa người xuất khẩu và người tiêu huỷ, xác định rõ việc quốc gia đúng đắn về mặt môi trường các chất thải.

1. Mỗi quốc gia quá cảnh là thành viên, nhanh chóng thông báo cho người thông báo việc nhận được thông báo, sau đó trong phạm vi 60 ngày trả lời người thông báo bằng văn bản đồng ý cho chuyên chở với việc bảo lưu hoặc không bảo lưu, từ chối cho phép vận chuyển hoặc yêu cầu thêm thông tin. Quốc gia xuất khẩu sẽ không cho phép việc vận chuyển qua biên giới được bắt đầu cho tới khi họ nhận được sự đồng ý bằng văn bản của quốc gia quá cảnh. Tuy nhiên, bất cứ một lúc nào, nếu một Bên tham gia quyết định không yêu cầu sự đồng ý trước bằng văn bản, cho việc vận chuyển quá cảnh qua biên giới các chất thải độc hại hoặc các chất khác, hoặc giảm nhẹ những yêu cầu về vấn đề này, ngay lập tức thông báo cho các Bên tham gia khác về quyết định của họ theo Điều 13. Trong trường hợp sau nếu quốc gia xuất khẩu không nhận được sự trả lời trong vòng 60 quốc gia quá cảnh, quốc gia xuất khẩu có thể cho phép xuất khẩu được tiến hành qua quốc gia quá cảnh.

2. Trong trường hợp việc vận chuyển qua biên giới các chất thải mà được xác định hoặc được xem xét như là các chất thải nguy hiểm:

a. Đối với quốc gia xuất khẩu, các yêu cầu tại mục 9 của Điều này áp dụng đối với người nhập khẩu hoặc người tiêu huỷ và quốc gia nhập khẩu sẽ áp dụng một sự sửa đổi thích đáng và chi tiết đối với người xuất khẩu và quốc gia xuất khẩu.

b. Đối với quốc gia nhập khẩu, hoặc quá cảnh là thành viên của Công ước, các yêu cầu của mục 1, 3, 4 và 6 của Điều này được áp dụng đối với người xuất khẩu và quốc gia xuất khẩu được áp dụng sự sửa đổi phù hợp với người nhập khẩu.

c. Đối với tất cả các quốc gia quá cảnh là những Bên tham gia, thì các điều khoản của đoạn 4 trên đây được áp dụng cho các nước này.

1. Quốc gia xuất khẩu có thể, với sự đồng ý bằng văn bản của quốc gia liên quan, cho phép người sản sinh ra phế thải hoặc người xuất khẩu phế thải được sử dụng thủ tục thông báo chung nếu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác có cùng đặc tính vật lý và hoá học được thường xuyên gửi đến cho cùng 1 người tiêu huỷ qua cùng một trạm hải quan nhập của quốc gia nhập khẩu, và trong trường hợp quá cảnh, qua cùng các trạm hải quan nhập và xuất của một quốc gia hoặc nhiều quốc gia quá cảnh.

2. Các quốc gia có liên quan có thể đính kèm văn bản trả lời đồng ý vào thủ tục thông báo chung như quy định ở đoạn 6 trên đây về những chi tiết cụ thể như số lượng chính xác của các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác hoặc danh sách các loại phế thải.

3. Việc thông báo chung và việc đồng ý bằng văn bản thể theo đoạn 6 và 7 có thể áp dụng cho việc gửi nhiều lần các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác trong thời hạn tối đa là 12 tháng.

4. Các Bên tham gia đòi hỏi tất cả các pháp nhân nhận vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác rằng họ phải ký nhận vận chuyển, giao hàng hoặc đưa hàng đến người thân. Các Bên tham gia cũng đòi hỏi người tiêu huỷ phế thải phải báo cho người xuất khẩu phế thải và nước xuất khẩu rằng họ đã nhận được các phế thải đó, và trong thời gian thích hợp, báo việc hoàn thành công việc tiêu huỷ theo các thủ tục nêu trong thông báo. Nếu quốc gia xuất khẩu không nhận được thông tin này thì cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này hoặc người xuất khẩu phải báo cho quốc gia nhập khẩu về việc chưa nhận được thông tin đó.

5. Thông báo và trả lời chiểu theo Điều này phải được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia liên quan hoặc cho cơ quan Chính phủ có thẩm quyền trong trường hợp quốc gia này không phải là một Bên tham gia Công ước.

6. Các quốc gia nhập khẩu hoặc quá cảnh là các Bên tham gia Công ước có thể đòi hỏi, như là điều kiện nhập khẩu, rằng mọi sự vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác phải được bảo hiểm, bảo trợ hoặc các bảo đảm khác.

Điều 7. Vận chuyển qua biên giới từ một quốc gia tham gia công ước qua lãnh thổ các quốc gia không tham gia công ước

Các điều khoản của đoạn 1 của Điều 6 của Công ước này được áp dụng linh hoạt cho việc vận chuyển qua biên giới những phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác từ một quốc gia tham gia công ước sang một hoặc nhiều quốc gia không tham gia công ước.

Điều 8. Nghĩa vụ tái nhập khẩu

Một khi việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác đã được các quốc gia liên quan đồng ý, theo các điều khoản của Công ước này mà không được thực hiện đúng hạn theo hợp đồng, nếu các điều khoản khác không thể áp dụng để tiêu huỷ các phế thải theo các phương pháp hợp lý về sinh thái trong thời hạn 90 ngày kể từ khi quốc gia liên quan thông báo cho quốc gia xuất khẩu và Ban thư ký, hoặc trong bất cứ thời hạn nào do các quốc gia liên quan thoả thuận, thì nước xuất khẩu phải theo dõi đến khi người xuất khẩu phải đưa các phế thải này trở về quốc gia xuất khẩu. Để thực hiện việc này, quốc gia xuất khẩu và tất cả các Bên tham gia mà việc chuyên chở, quá cảnh không được chống lại việc đưa các phế thải về nước xuất khẩu, không được gây khó khăn hoặc ngăn cản.

Điều 9. Vận chuyển bất hợp pháp

1. Chiểu theo các điều khoản của Công ước này, được coi là vận chuyển bất hợp pháp mọi hoạt động di chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác, thừ

a. Tiến hành mà không thông báo cho các quốc gia liên quan theo quy định của Công ước; hoặc

b. Tiến hành với sự đồng ý của các quốc gia liên quan do việc khai man, khai không đúng hoặc dối trá; hoặc

c. Được tiến hành không phù hợp với giấy tờ; hoặc

d. Đưa đến việc tiêu huỷ cố ý (chẳng hạn như đổ xuống một nơi nào đó) các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác, không tuân thủ các điều khoản của Công ước này và các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế.

1. Trong trường hợp việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được coi là sự vận chuyển bất hợp pháp do ý đồ của người xuất khẩu hoặc người sản sinh ra phế thải, quốc gia xuất khẩu phải giám sát đến các phế thải đó:

a. Phải được người xuất khẩu hoặc người sản sinh ra phế thải hoặc chính quốc gia xuất khẩu mang trở về nước mình; hoặc nếu việc đó không thể thực hiện, thì

b. Phải được tiêu huỷ bằng cách khác phù hợp với các điều khoản của Công ước này, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nước xuất khẩu được thông báo về việc vận chuyển trái phép hoặc trong bất cứ thời hạn nào khác do các quốc gia liên quan thoả thuận. Để nhằm mục đích này, các Bên liên quan không được chống lại việc đưa trở về nước xuất khẩu các phế thải này, không ngăn cản hoặc không gây khó khăn.

1. Một khi việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được coi là chuyên chở bất hợp pháp do ý đồ của người nhập khẩu, người tiêu huỷ, quốc gia nhập khẩu phải giám sát để các phế thải, nếu có thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi việc vận chuyển trái phép đã được lưu ý cho nước nhập khẩu hoặc trong bất cứ thời hạn nào do các quốc gia liên quan thoả thuận. Để nhằm mục đích này, các Bên liên quan phải hợp tác, tùy theo yêu cầu, để tiêu huỷ các phế thải này theo phương pháp phù hợp với sinh thái.

2. Trong trường hợp không xác định được trách nhiệm về việc vận chuyển bất hợp pháp cho người xuất khẩu hoặc người sản sinh ra phế thải, cho người nhập khẩu hoặc người tiêu huỷ phế thải, các Bên liên quan và các Bên khác, nếu có thể, phối hợp giám sát để bảo đảm rằng các phế thải nguy hiểm phải được tiêu huỷ một cách nhanh nhất theo các bảo đảm phù hợp với sinh thái tại quốc gia xuất khẩu, quốc gia nhập khẩu hoặc bất cứ nơi nào có thể.

3. Mỗi Bên tham gia thông báo quy luật quốc gia thích hợp để cấm hoặc trấn áp nghiêm ngặt việc vận chuyển bất hợp pháp. Các Bên tham gia hợp tác để đạt đến các mục đích nêu trong Điều này.

Điều 10. Hợp tác quốc tế

1. Các Bên tham gia hợp tác với nhau để tăng cường và bảo đảm việc quản lý phù hợp với sinh thái các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

2. Nhằm mục đích này, các Bên tham gia:

a. Thông báo yêu cầu, trên cơ sở song phương hoặc đa phương, những thông tin nhằm khuyến khích việc quản lý hợp lý về sinh thái các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác, bao gồm cả việc làm hài hoà các tiêu chuẩn và thực tiễn kỹ thuật nhằm quản lý tốt các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

b. Hợp tác để theo dõi tác động của việc quản lý phế thải đối với sức khoẻ con người và môi trường.

c. Hợp tác, nếu không trái với các điều khoản của các đạo luật, thể lệ và chính sách quốc gia, xây dựng và ứng dụng những kỹ thuật mới hợp lý về sinh thái, sản sinh ít phế thải và cải tiến những kỹ thuật hiện có, trong điều kiện có thể chấm dứt việc sản sinh phế thải nguy hiểm và các phế thải khác và xây dựng những biện pháp có hiệu quả hơn để bảo đảm việc quản lý một cách phù hợp với sinh thái, nhất là nghiên cứu các hậu quả kinh tế - xã hội và môi trường trong việc thông qua các cải tiến hoặc hoàn thiện kỹ thuật.

d. Hợp tác tích cực, nếu không trái với các quy định của luật pháp, thể lệ và chính sách quốc gia của mình trong việc chuyển giao kỹ thuật liên quan tới việc quản lý hợp lý với sinh thái bằng cách sản sinh ra các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác cũng như các hệ thống tổ chức của việc quản lý này. Các Bên tham gia cũng hợp tác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các phương tiện kỹ thuật của mình, nhất là các nước cần một sự giúp đỡ kỹ thuật trong lĩnh vực này và có nếu yêu cầu.

e. Hợp tác để xây dựng các phương hướng chỉ đạo kỹ thuật hoặc xây dựng các luật lệ chung thích hợp.

1. Các Bên tham gia sẽ sử dụng các biện pháp thích hợp để hợp tác giúp đỡ các nước đang phát triển thực hiện các điều khoản trong các tiêu mục a, b, c và d của đoạn 2 trong Điều 4.

2. Chiều cố tới các yêu cầu cần thiết qua các nước đang phát triển, việc hợp tác giữa các Bên và các tổ chức quốc tế có thẩm quyền sẽ được khuyến khích nhằm động viên sự nhạy cảm của công chúng, thúc đẩy việc tăng cường quản lý hợp lý các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác và chọn lựa những kỹ thuật ít ô nhiễm.

Điều 11. Các hiệp định song phương, đa phương và khu vực

1. Mặc dù có các điều khoản của Điều 4, đoạn 5 của Công ước này, các Bên tham gia có thể ký kết các Hiệp định hoặc thoả thuận song phương, đa phương hoặc khu vực liên quan đến việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác được quy định trong Công ước này. Các Hiệp định hoặc thoả thuận này phải nêu rõ các điều khoản quy định việc quản lý không được kém hợp lý về sinh thái hơn so với các quy định trong Công ước này, đặc biệt có chiều cố tới quyền lợi của các nước đang phát triển.

2. Các Bên tham gia thông báo cho Ban thư ký mọi Hiệp định hoặc thoả thuận song phương, đa phương hoặc khu vực ghi ở đoạn 1 trên đây cũng như các Hiệp định và thoả thuận mà các Bên tham gia đã ký kết trước khi công ước này có hiệu lực nhằm để kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác được thực hiện giữa các Bên đã ký các Hiệp định và thoả thuận nêu trên. Các điều khoản của Công ước này không có tác động tới việc vận chuyển qua biên giới phù hợp với các quy định trong các Hiệp định đó với điều kiện là việc vận chuyển này phải phù hợp với việc quản lý hợp lý về sinh thái các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác như quy định trong Công ước này.

Điều 12. Tham khảo về các vấn đề trách nhiệm

Các Bên tham gia hợp tác vận nhằm thông qua càng sớm càng tốt một Nghị định thư thiết lập các thủ tục thích hợp về trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác gây ra.

Điều 13. Thông báo tin tức

1. Mỗi khi biết được tai nạn xảy ra trong quá trình vận chuyển qua biên giới phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác hoặc trong quá trình tiêu huỷ chúng mà có nguy cơ gây nguy hiểm cho sức khoẻ con người và môi trường của các quốc gia khác, các Bên tham gia phải bảo đảm rằng những tin tức đó phải được thông báo ngay lập tức.

2. Các Bên tham gia sẽ thông báo qua Ban thư ký:

a. Những thay đổi liên quan đến việc chỉ định các cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin viên phù hợp với Điều 5.

b. Những thay đổi trong việc các quốc gia định nghĩa về các phế thải nguy hiểm phù hợp với Điều 3;

Và có thể ngay khi:

c. những quyết định của các Bên tham gia không cho phép toàn bộ hay từng phần việc nhập khẩu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác để tiêu huỷ trong khu vực thuộc chủ quyền quốc gia của họ.

d. Những quyết định nhằm hạn chế hoặc cấm xuất khẩu các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác.

e. Tất cả các tin tức khác được yêu cầu phù hợp với đoạn 4 của Điều này.

1. Các Bên tham gia thể theo luật pháp và thể lệ quốc gia, chuyển cho Hội nghị các Bên tham gia tổ chức theo Điều 15, qua Ban thư ký và trước khi kết thúc năm dân sự, một báo cáo của năm trước về các thông tin sau:

a. Các cơ quan có thẩm quyền và các thông tin viên cho các Bên tham gia chỉ định, phù hợp với Điều 5;

b. Các tin tức về việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác mà các Bên tham gia đã thực hiện, và đặc biệt:

Số lượng các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác đã xuất khẩu, chủng loại, đặc tính và nơi đưa đến nước quá cảnh và biện pháp tiêu huỷ đã được sử dụng đối với các phế thải đó.

Số lượng các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác đã nhập khẩu, chủng loại, nguồn gốc và biện pháp tiêu huỷ đã được sử dụng.

Việc tiêu huỷ các phế thải đó như đã được quy định.

Những cố gắng để giảm khối lượng các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải là đối tượng của việc vận chuyển qua biên giới.

a. Những thông tin về các biện pháp mà các Bên tham gia đã thông qua để thực hiện Công ước này.

b. Các thông tin về các số liệu thống kê mà các Bên tham gia đã hệ thống hoá liên quan đến tác động của việc sản sinh, vận chuyển và tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác đối với sức khoẻ con người và môi trường.

c. Các thông tin về các Hiệp định và thoả thuận song phương, đa phương và khu vực đã được ký kết theo Điều 12 của Công ước này.

d. Các thông tin về tai nạn trong quá trình vận chuyển qua biên giới và việc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm các phế thải khác và các biện pháp để đối phó.

e. Các thông tin về các biện pháp khác để tiêu huỷ các phế thải trong khu vực thuộc thẩm quyền quốc gia của các Bên tham gia.

f. Các thông tin về các biện pháp để xây dựng các kỹ thuật nhằm giảm hoặc loại trừ việc sản sinh ra các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

g. Tất cả các thông tin khác về các vấn đề mà Hội nghị các Bên tham gia cho là cần thiết.

1. Các Bên tham gia thể theo luật pháp và thể lệ quốc gia, bảo đảm rằng một bản sao thông báo về vận chuyển phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác hoặc về việc tỏ thái độ liên quan tới các phế thải được gửi cho Ban thư ký, một khi một Bên tham gia bị ảnh hưởng của việc vận chuyển đó yêu cầu.

Điều 14. Vấn đề tài chính

1. Các Bên tham gia thoả thuận thành lập, tùy theo yêu cầu đặc biệt của các khu vực, tiểu khu vực khác nhau, những trung tâm khu vực hoặc tiểu khu vực về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật để quản lý phế thải nguy hiểm, các phế thải khác và giảm việc sản sinh phế thải. Các Bên tham gia quyết định thành lập các cơ chế thích hợp về tài trợ tự nguyện.

2. Các Bên tham gia dự định thành lập một quỹ thường xuyên (có thể tái sinh) để giúp đỡ một cách tạm thời nhằm đối phó với tình hình khẩn cấp để hạn chế thấp nhất thiệt hại do các tai nạn trong quá trình vận chuyển hoặc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác gây ra.

Điều 15. Hội nghị các Bên tham gia

1. Hội nghị các Bên tham gia đã được quy định phiên đầu tiên của Hội nghị các Bên tham gia sẽ được Tổng thư ký soạn thảo chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc triệu tập muộn nhất là một năm kể từ khi Công ước có hiệu lực. Tiếp đó, các phiên họp thường kỳ sẽ được triệu tập theo định kỳ do Hội nghị các Bên tham gia quyết định tại phiên họp đầu tiên.

2. Các phiên họp bất thường có thể được triệu tập bất kỳ khi nào nếu Hội nghị thấy cần thiết, hoặc theo yêu cầu cấp thiết của một Bên tham gia và phải được sự ủng hộ ít nhất của 1/3 các Bên tham gia trong vòng sáu tháng khi Ban thư ký thông báo yêu cầu trên.

3. Hội nghị các Bên tham gia sẽ xác định và thông qua bằng nhất trí nội quy của mình và nội quy của tất cả các cơ quan trực thuộc mà Hội nghị thành lập cũng như quy chế tài chính, ấn định sự đóng góp tài chính của các Bên tham gia theo Công ước này.

4. Tại phiên họp đầu tiên, các Bên tham gia đã xem xét tất cả các biện pháp bổ sung cần thiết để giúp các Bên tham gia hoàn thành trách nhiệm về việc bảo vệ và giữ gìn môi trường biển trong khuôn khổ Công ước này.

5. Hội nghị các Bên tham gia thường xuyên xem xét việc thực hiện Công ước này và ngoài ra:

a. Khuyến khích việc làm hài hoà các chính sách, chiến lược và biện pháp cần thiết để giảm tới mức tối thiểu thiệt hại gây ra cho sức khoẻ con người và môi trường bởi các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác.

b. Xem xét và thông qua, nếu thích hợp, các điều bổ sung cho Công ước này và các phụ bản, đặc biệt phải tính tới các thông tin khoa học, kỹ thuật, kinh tế và sinh thái sẵn có.

c. Xem xét và đưa ra những biện pháp cần thiết khác để tiếp tục theo đuổi việc thực hiện các mục tiêu của Công ước này xuất phát từ các bài học rút ra từ việc thực hiện Công ước này cũng như việc thực hiện các Hiệp định và thoả thuận được dự kiến ở Điều 11.

d. Xem xét và thông qua các Nghị định thư nếu cần.

e. Thành lập các cơ quan trực thuộc cần thiết cho việc thực hiện Công ước.

1. Tổ chức Liên Hợp Quốc và các tổ chức chuyên môn cũng như mọi quốc gia không tham gia Công ước này, có thể tham dự các phiên họp của Hội nghị các Bên tham gia với tư cách quan sát viên. Mọi cơ quan hoặc tổ chức quốc gia, hoặc quốc tế, Chính phủ hoặc phi Chính phủ, có chức năng trong lĩnh vực liên quan đến các phế thải nguy hiểm hoặc các phế thải khác đã thông báo ý muốn tham dự với tư cách quan sát viên phải được bổ sung vào nội quy do Hội nghị các Bên tham gia thông qua.

2. Ba năm kể từ ngày Công ước có hiệu lực, và sau đó ít nhất 6 năm, Hội nghị các Bên tham gia tiến hành đánh giá tính hiệu quả của mình và, nếu Hội nghị thấy cần thiết xem xét thông qua việc cấm hoàn toàn hoặc từng phần việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác dưới ánh sáng của các thông tin khoa học, môi trường, kỹ thuật và kinh tế mới nhất.

Điều 16. Ban thư ký

1. Chức năng của Ban thư ký là:

a. Tổ chức các cuộc họp theo quy định tại Điều 15 và 17 bảo đảm việc phục vụ các cuộc họp.

b. Xây dựng và chuyển các báo cáo dựa trên các thông tin nhận được theo Điều 3, 4, 5, 6, 11 và 13, cũng như dựa trên các thông tin thu được trong cuộc họp của các cơ quan trực thuộc được thành lập theo Điều 15 và nếu có thể dựa trên các thông tin do các tổ chức liên Chính phủ hoặc phi Chính phủ cung cấp.

c. Xây dựng các báo cáo về hoạt động của mình do Công ước quy định và trình cho Hội nghị các Bên tham gia.

d. Bảo đảm sự phối hợp cần thiết với các tổ chức quốc tế có thẩm quyền và đặc biệt là ký các thoả thuận hành chính và hợp đồng cần thiết cho việc hoàn thành nhiệm vụ của mình.

e. Liên hệ với các thông tin viên và các cơ quan chức trách có thẩm quyền do các Bên tham gia chỉ định theo Điều 5 của Công ước này.

f. Thu thập thông tin về các cơ sở và địa điểm của các quốc gia phục vụ việc tiêu huỷ các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác và phổ biến các thông tin đó cho các Bên tham gia Công ước.

g. Nhận các thông tin từ các Bên tham gia và thông báo cho các Bên tham gia những thông tin về:
Nguồn giúp đỡ kỹ thuật và đào tạo;

Khả năng kỹ thuật và khoa học hiện có;

Các nguồn cổ vản và dịch vụ chuyên gia;

Các nguồn vốn hiện có để nhằm giúp đỡ các Bên tham gia theo yêu cầu của họ trong các lĩnh vực.

Quản lý hành chính hệ thống thông báo theo quy định của Công ước;

Quản lý các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác;

Các kỹ thuật thích hợp về sinh thái liên quan đến các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác như các kỹ thuật ít ô nhiễm và không sản sinh ra phế thải;

Đánh giá các phương tiện và địa điểm tiêu huỷ;

Giám sát các phế thải nguy hiểm và các phế thải khác;

Can thiệp trong trường hợp khẩn cấp.

a. Theo yêu cầu của các Bên tham gia, thông báo cho họ những tin tức về tư vấn hoặc văn phòng nghiên cứu có khả năng kỹ thuật cần thiết có thể giúp cho họ xem xét thông báo của việc vận chuyển qua biên giới, kiểm tra việc vận chuyển phế thải nguy hiểm và phế thải khác có phù hợp với thông báo không hoặc các cơ sở được đề nghị để tiêu huỷ phế thải nguy hiểm và các phế thải khác có thích hợp về sinh thái không. Tất cả việc kiểm tra này không thuộc trách nhiệm của Ban thư ký.

b. Theo yêu cầu của các Bên tham gia, giúp đỡ họ phát hiện các trường hợp vận chuyển trái phép và thông báo ngay lập tức cho các Bên tham gia mọi tin tức mà Ban thư ký nhận được về việc vận chuyển trái phép.

c. Hợp tác với các Bên tham gia, với các tổ chức và cơ quan quốc tế liên quan và có thẩm quyền để cung cấp chuyên gia và phương tiện vật chất cần thiết để giúp các quốc gia trong trường hợp khẩn cấp.

a. Hoàn thành chức năng khác trong khuôn khổ của Công ước này mà Hội nghị các Bên tham gia giao cho.

1. Chức năng Ban thư ký tạm thời do chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc đảm nhiệm cho đến khi kết thúc phiên họp đầu tiên của Hội nghị các Bên tham gia chiếu theo Điều 15.

2. Tại phiên họp đầu tiên, Hội nghị các Bên tham gia sẽ chỉ định Ban thư ký trong số các tổ chức quốc tế có thẩm quyền hiện có, được đề nghị bảo đảm chức năng của Ban thư ký theo quy định của Công ước này. Tại phiên họp này, Hội nghị các Bên tham gia cũng sẽ đánh giá phương cách mà Ban thư ký lâm thời sẽ phải hoàn thành chức năng được giao phó, đặc biệt thể theo đoạn 1 của Điều này, và Hội nghị sẽ quyết định có còn thích hợp để thực hiện Công ước.

Điều 17. Bổ sung công ước

1. Tất cả các Bên tham gia có thể đề nghị bổ sung vào Công ước này và tất cả các Bên tham gia Nghị định thư có thể bổ sung vào Nghị định thư này. Các bổ sung này phải thực sự chiếu cố tới các kết quả xem xét về khoa học và kỹ thuật thích hợp.

2. Các điểm bổ sung vào Công ước này phải được thông qua trong các phiên họp của Hội nghị các Bên tham gia. Những điểm bổ sung vào Nghị định thư phải được thông qua trong các phiên họp của các Bên tham gia Nghị định thư Văn bản của các điểm bổ sung vào Công ước này hoặc các Nghị định thư, trừ trường hợp quy định khác của các Nghị định thư đã nêu, phải được Ban thư ký thông báo cho các Bên tham gia ít nhất 6 tháng trước cuộc họp thông qua các bổ sung ấy được tổ chức. Ban thư ký cũng thông báo những điểm bổ sung này cho các Bên tham gia Công ước này để họ biết.

3. Các Bên tham gia không từ bỏ bất cứ cố gắng nào để đạt tới sự thoả thuận bằng nhất trí về tất cả các điểm bổ sung vào Công ước này. Nếu sau mọi cố gắng mà không đạt được sự nhất trí và không đi đến thoả thuận thì điểm bổ sung này phải đưa ra bỏ phiếu thông qua với đa số 3/4 các Bên tham gia có mặt tại Hội nghị và có tham gia bỏ phiếu và sau đó người lưu chiếu phải chuyển cho các Bên tham gia để phê chuẩn, thông qua xác nhận chính thức hoặc chấp nhận.

4. Thủ tục ở đoạn 3 trên đây được áp dụng cho việc thông qua các điểm bổ sung vào các Nghị định thư, và cần đa số 2/3 các Bên tham gia Nghị định thư có mặt tại Hội nghị và tham gia bỏ phiếu.

5. Các văn kiện phê chuẩn, thông qua, xác nhận chính thức, hoặc chấp nhận các điểm bổ sung sẽ được lưu chiếu bên cạnh người lưu chiếu. Các điểm bổ sung được thông qua thể theo các đoạn 3, 4 trên đây sẽ có hiệu lực giữa các Bên tham gia đã chấp nhận sau 90 ngày kể từ khi người lưu chiếu nhận được Văn kiện phê chuẩn, thông qua xác nhận chính thức hoặc chấp nhận các điểm bổ sung.

6. Thể theo Điều này, nhóm từ "các Bên tham gia có mặt và bỏ phiếu" phải được hiểu là các Bên tham gia có mặt và đã bỏ phiếu thuận hoặc chống.

Điều 18. Thông qua và bổ sung các phụ bản

1. Các phụ bản của Công ước này hoặc của các Nghị định thư liên quan là bộ phận không thể tách rời của Công ước hoặc Nghị định thư đã nêu và trường hợp có quy định khác, mọi sự tham chiếu tới Công ước này hay tới các Nghị định thư đã nêu là tham chiếu các phụ bản nêu trên phải hạn chế trong các vấn đề khoa học, kỹ thuật và hành chính.

2. Trừ khi có quy định khác trong các Nghị định thư đối với các phụ bản, việc đề nghị thông qua và có hiệu lực các phụ bản bổ sung vào Công ước hoặc Nghị định thư liên quan phải do các thủ tục sau chỉ đạo:

a. Các phụ bản của Công ước này và các Nghị định thư phải được đề nghị và thông qua thể theo thủ tục nêu ở các đoạn 2, 3 và 4 của Điều 17.

b. Tất cả các Bên tham gia không có điều kiện chấp nhận một phụ bản bổ sung vào Công ước này, hoặc vào một trong số những Nghị định thư mà họ là một Bên tham gia phải thông báo bằng văn bản cho người lưu chiếu trong vòng 6 tháng kể từ khi người lưu chiếu thông báo ngay cho các Bên tham gia có thể bất cứ lúc nào chấp nhận một phụ bản mà họ đã tuyên bố phản đối và phụ bản này sẽ có hiệu lực với Các thể thái khác này.

a. Hết thời hạn 6 tháng kể từ khi người lưu chiếu thông báo, phụ bản có hiệu lực với tất cả các Bên tham gia Công ước hoặc Nghị định thư liên quan nếu các Bên tham gia này không có thông báo thể theo tiêu mục thư trên đây.

1. Việc đề nghị, thông qua và có hiệu lực của các điều bổ sung vào phụ bản của Công ước này hoặc các Nghị định thư liên quan phải qua các thủ tục như việc đề nghị, thông qua và có hiệu lực

của các phụ bản của Công ước hoặc các Nghị định thư liên quan. Các phụ bản và các điều bổ sung vào phụ bản phải chiếu cố đến các kết quả xem xét khoa học và kỹ thuật thích hợp.

2. Nếu một phụ bản bổ sung hoặc một điều bổ sung vào các phụ bản đưa đến việc cần phải có những bổ sung vào công ước thì phụ bản bổ sung hoặc phụ bản sửa đổi chỉ có hiệu lực khi chính điều bổ sung vào Công ước hoặc Nghị định thư liên quan có hiệu lực.

Điều 19. Việc kiểm tra

Tất cả các Bên tham gia khi có lý do để tin rằng một Bên tham gia khác hành động hoặc đã hành động vi phạm nghĩa vụ do các điều khoản của Công ước quy định thì có thể báo cho Ban thư ký và trong trường hợp này báo đồng thời và ngay lập tức trực tiếp hoặc qua Ban thư ký, Bên tham gia là đối tượng của việc khuyến cáo. Mọi thông tin thích hợp phải được Ban thư ký chuyển tới các Bên tham gia.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp

1. Nếu có sự tranh chấp giữa các Bên tham gia về việc giải thích thực hiện hoặc tôn trọng Công ước này hoặc các Nghị định thư liên quan thì các Bên cố gắng giải quyết bằng con đường thương lượng hoặc bằng mọi biện pháp hoà bình khác do họ tự chọn.

2. Nếu các Bên liên quan không thể giải quyết được sự tranh chấp bằng các biện pháp nêu ở đoạn 1 trên đây, thì sự tranh chấp đó, nếu các Bên chấp nhận như vậy sẽ phải đưa ra toà án quốc tế hoặc cơ quan trọng tài trong các điều kiện được quy định trong phụ bản VI về cơ quan trọng tài thì họ phải có trách nhiệm tiếp tục tìm kiếm cách giải quyết các tranh chấp theo các biện pháp nêu ở đoạn 1.

3. Trong khi phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc xác nhận chính thức Công ước này hoặc gia nhập nó và mọi thời gian sau đó tất cả các quốc gia hoặc các tổ chức nhất thể hoá về chính trị hoặc kinh tế, có thể tuyên bố rằng họ thừa nhận như là nghĩa vụ bắt buộc không cần thể thức và sự thoả thuận đặc biệt đối với tất cả các Bên tham gia chấp nhận cùng nghĩa vụ ấy, việc đưa sự tranh chấp:

a. Ra toà án quốc tế, và hoặc :

b. Ra cơ quan trọng tài phù hợp với các thủ tục nêu trong phụ bản VI.

Việc tuyên bố này phải được thông báo bằng văn bản cho Ban thư ký. Ban thư ký sẽ thông báo lại cho các Bên tham gia.

Điều 21. Ký kết

Công ước này sẽ được tổ chức cho các quốc gia, Namibia do Hội đồng các dân tộc Namibia đại diện và các tổ chức nhất thể hoá chính trị và kinh tế ký ở Basel ngày 23 - 3 - 1989 tại Bộ Ngoại giao Thụy Sĩ ở Berne từ ngày 23 - 3 đến 30 - 6 - 1989 và ở trụ sở Liên Hợp Quốc tại New York từ ngày 1 - 7 - 1989 đến 22 - 3 - 1990.

Điều 22. Phê chuẩn, chấp thuận, xác nhận chính thức hoặc thông qua

1. Công ước này phải được các quốc gia và Namibia do Hội đồng dân tộc Namibia đại diện, phê chuẩn, chấp thuận hoặc thông qua cũng như phải được các tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế xác nhận chính thức hoặc thông qua. Văn kiện phê chuẩn, chấp thuận chính thức hoặc thông qua phải được người lưu giữ cất giữ.

2. Tất cả các tổ chức nêu ở đoạn 1 trên đây trở thành Bên tham gia Công ước và mặc dù không có quốc gia nào của tổ chức đó là 1 Bên tham gia cũng phải thực hiện tất cả nghĩa vụ ghi trong Công ước. Khi một hoặc nhiều quốc gia thành viên của một trong số các tổ chức này là các Bên tham gia Công ước, tổ chức đó và thành viên của tổ chức đó thoả thuận về trách nhiệm riêng trong việc

thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Công ước. Trong những trường hợp như vậy, tổ chức đó và các thành viên của nó không thể cùng lúc hưởng quyền lợi ghi trong Công ước.

3. Trong các văn kiện xác nhận chính thức hoặc thông qua của họ, các tổ chức nêu trong đoạn 1 trên đây, cần chỉ rõ phạm vi quyền hạn trong các lĩnh vực do Công ước quy định. Các Tổ chức này cũng thông báo mọi sự thay đổi quan trọng về phạm vi quyền hạn cho người lưu chiếu và người lưu chiếu sẽ thông báo cho các Bên tham gia Công ước.

Điều 23. Gia nhập

1. Tất cả các quốc gia, Namibia do Hội đồng dân tộc Namibia đại diện, các tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế đều được gia nhập Công ước này kể từ ngày ký kết không còn được tổ chức nữa. Các văn kiện gia nhập phải được cất giữ bên cạnh người lưu chiếu.

2. Trong các văn kiện gia nhập các tổ chức được nêu ở đoạn 1 trên đây phải chỉ rõ phạm vi quyền hạn trong các lĩnh vực nêu trong Công ước. Các tổ chức này cũng thông báo cho người lưu chiếu mọi sự thay đổi quan trọng thuộc phạm vi quyền hạn của họ.

3. Các điều khoản của đoạn 2 Điều 22 được thực hiện cho các tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế gia nhập Công ước.

Điều 24. Quyền bỏ phiếu

1. Ngoại trừ các điều khoản của đoạn 2 dưới đây, mỗi Bên tham gia Công ước được quyền 1 phiếu.

2. Các tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế, thể theo các đoạn 3 Điều 22 và đoạn 2 Điều 23, để thực hiện quyền bỏ phiếu trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của họ, được có số lượng phiếu tương đương với số lượng các quốc gia thành viên là các Bên tham gia Công ước hoặc các Nghị định thư thích hợp. Các tổ chức này không thực hiện quyền bỏ phiếu nếu các quốc gia thành viên của nó tham gia bỏ phiếu và ngược lại.

Điều 25. Hiệu lực 1

1. Công ước này có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày lưu chuyển văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, xác nhận chính thức, thông qua hoặc gia nhập thứ 20.

2. Đối với mỗi quốc gia, mỗi tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc xác nhận chính thức Công ước này hoặc gia nhập nó sau ngày lưu chiếu văn kiện thứ 20 về phê chuẩn, chấp nhận thông qua, xác nhận chính thức hoặc gia nhập, Công ước sẽ có hiệu lực 90 ngày sau khi quốc gia đó hoặc tổ chức đó nộp lưu chiếu các văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua, xác nhận chính thức hoặc gia nhập.

3. Thể theo các đoạn 1 và 2 trên đây, không một văn kiện nào do các tổ chức nhất thể hoá chính trị hoặc kinh tế nộp lưu chiếu lại được coi và văn kiện bổ sung cho các văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua, xác nhận chính thức hoặc gia nhập.

Điều 26.

1. Không được bảo lưu hoặc bãi bỏ nào được thực hiện đối với Công ước này.

2. Đoạn 1 của Điều này không ngăn cản một quốc gia hoặc một tổ chức nhất thể hoá kinh tế hoặc chính trị trong khi ký, phê chuẩn, chấp nhận hoặc thông qua hoặc xác nhận chính thức Công ước này hoặc gia nhập được tuyên bố hoặc trình bày, dù tên gọi thể nào, sẽ làm hài hoà luật pháp và thể lệ của mình với các điều khoản của Công ước này, với các điều kiện là những tuyên bố hoặc trình bày này không nhằm huỷ bỏ hoặc thay đổi hiệu lực pháp lý của các điều khoản của Công ước áp dụng với quốc gia đó.

Điều 27. Từ bỏ công ước

1. Sau thời hạn 3 năm kể từ ngày Công ước này có hiệu lực đối với 1 Bên tham gia, Bên tham gia này bất cứ lúc nào cũng có thể từ bỏ việc tham gia Công ước bằng cách thông báo bằng văn bản cho người lưu chiếu.

2. Việc từ bỏ tham gia Công ước sẽ có hiệu lực sau 1 năm kể từ ngày người lưu chiếu nhận được thông báo hoặc bất cứ ngày nào sau đó đã được nêu trong thông báo.

Điều 28. Người lưu chiếu

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc là người lưu chiếu công ước này và các nghị định thư liên quan.

Điều 29. Các văn bản bằng tiếng Anh, Ả Rập, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Pháp, Nga của Công ước này đều có giá trị như nhau.

Để làm tin, những người có tên dưới đây là đại diện có đầy đủ uỷ quyền ký Công ước này.

PHỤ LỤC 1

CÁC LOẠI PHÉ THẢI PHẢI KIỂM SOÁT

Nguồn phế thải

Y1 Phế thải y tế từ bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá.

Y2 Phế thải từ sản xuất và pha chế các sản phẩm dược

Y3 Phế thải từ thuốc và sản phẩm dược

Y4 Phế thải từ việc sản xuất, pha chế và sử dụng các loại thuốc diệt sinh vật thiocidet và sản phẩm thuốc chữa bệnh cho cây trồng phytopharamaceutique

Y5 Phế thải từ việc sản xuất, pha chế và sử dụng các loại thuốc để bảo vệ gỗ

Y6 Phế thải từ việc sản xuất, pha chế và sử dụng các chất dung môi hữu cơ

Y7 Phế thải rắn từ việc xử lý bằng độ nóng hoặc bằng độ lạnh.

Y8 Phế thải dầu mỏ không dùng được vào dự tính ban đầu.

Y9 Hoá hợp hoặc pha trộn dầu nước hoặc hydrocarbure/nước.

Y10 Tính chất hoặc các sản phẩm chứa đựng, hoặc nhiễm các chất diphényles, Polychlorés (PCB), terphényles polychlorés (PCT) hoặc diphénylés polybromés (PBB).

Y11 Phế thải có mùi hắc từ sự lọc, sự chưng cất hoặc từ các hoạt động, phân tích thành phần khác bằng hơi nóng.

Y12 Phế thải từ việc sản xuất, pha chế và sử dụng mực, chất keo, các sắc tố, sơn, sơn mài hoặc vecni.

Y13 Phế thải từ việc sản xuất, pha chế và sử dụng nhựa thông, các loại nhựa cây, keo dán, hồ dán, chất dính.

Y14 phế thải từ các chất hoá học không xác định được, và hoặc mới sinh sản từ các hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc giảng dạy mà người ta chưa rõ tác hại đối với con người và/ hoặc đối với môi trường.

Y15 Phế thải có tính chất dễ nổ không chịu sự kiểm soát của các luật lệ khác.

Y16 Phế thải từ sản xuất, pha chế và sử dụng các sản phẩm và vật liệu về nhiếp ảnh.

Y17 Phế thải từ việc xử lý bề mặt kim loại và vật liệu nhựa.

Y18 Phế thải còn lại sau khi thực hiện công việc tiêu huỷ các phế thải công nghiệp.

Phế thải có chứa 1 trong các thành phần sau

Y19 Kim loại carbonyles.

Y20 Beryllium, có thành phần Beryllium.

Y21 có thành phần Chrom sáu giá trị (Cr.6)

Y22 Có thành phần đồng

Y23 Có thành phần thiếc

Y24 Arcenic, có thành phần Arcenic

Y25 Selenium, có thành phần Selenium

Y26 Cadmium, có thành phần Cadmium

Y27 Antimoine, có thành phần Antimoine

Y28 Tellure, có thành phần Tellure

Y29 Thủy ngân, có thành phần thủy ngân

Y30 Thallium, có thành phần Thallium

Y31 Plomb, có thành phần Plomb

Y32 Có thành phần vô cơ, fluor, trừ fluor de alciium

Y33 Muối vô cơ

Y34 Dung dịch a-xít hoặc a-xít dưới thể rắn

Y35 Dung dịch kiềm hoặc kiềm dưới thể rắn

Y36 Chất Amiante hoặc kiềm dưới thể rắn

Y36 Chất Amiante (bột hoặc dây)

Y37 Có thành phần phốt pho hữu cơ

Y38 Muối hữu cơ

Y39 Phénols, có thành phần phénols hoặc gồm Chlorophémols.

Y40 Ethen (é-te)

Y41 Dung môi hữu cơ halogène

Y42 Dung môi hữu cơ mà không phải là dung môi halogène.

Y43 tất cả sản phẩm thuộc họ Dibenzofurannes polycloré.

Y44 Tất cả sản phẩm thuộc họ Dibenzofurannes polycloré.

Y45 Có thành phần halogène hữu cơ ngoài những chất đã được nêu trong phụ lục này (chẳng hạn các chất Y39, Y41, Y42, Y43, Y44).

PHỤ LỤC 2

CHUNG LOẠI PHẾ THẢI YÊU CẦU SỰ KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Y46 Phế thải nội trợ gom lại

Y47 Phế thải còn lại sau khi đốt các phế thải nội trợ.

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM

Loại ONU(1)/Mã số/Tính chất

1 /Hệ thống/Vật liệu dễ nổ

Một vật liệu hoặc một phế thải nổ là một loại vật liệu (hoặc hỗn hợp vật liệu) rắn hoặc lỏng, bản thân nó có thể do tác động hoá học, tạo ra các loại khí ga mà ở một nhiệt độ nhất định, áp suất nhất định và độ nhanh nhất định gây ra thiệt hại cho môi trường.

1. Cách xếp số thứ tự này tương ứng với hệ thống xếp loại nguy hiểm đã được thông qua trong các khuyến nghị của Liên Hợp Quốc về vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm (ST/SG/AC 10/1/Rev 5 Nation Unies, New York, 1988).

3/H3/ Vật liệu dễ cháy

Chất lỏng dễ cháy là các chất lỏng, hỗn hợp chất lỏng hoặc chất lỏng chứa các chất rắn có thể tan hoặc không tan (sơn, vecni, sơn mài... chẳng hạn, tuy nhiên phải không tính các vật liệu hoặc các phế thải đã được xếp loại ở nơi khác vì tính nguy hiểm), các chất đó có thể tạo ra các loại hơi nước dễ cháy ở nhiệt độ không quá 60,5oC ở trong nồi hơi kín hoặc 65,5oC ở trong nồi hơi hở. (Bởi vì các kết quả của nhiều thử nghiệm trong nồi hơi hở và nồi hơi kín không nhất thiết hoàn toàn giống nhau và các kết quả của nhiều thử nghiệm được tiến hành cùng phương pháp, thường xuyên khác nhau, vì vậy các quốc gia không dùng các con số trên đây làm cơ sở là để hiểu có tới sự khác nhau đó, là phù hợp với tinh thần của định nghĩa này).

4.1/H4.1/ Vật liệu rắn dễ cháy

Các vật liệu rắn hoặc phế thải của vật liệu rắn dễ cháy là các vật liệu rắn ngoài những vật liệu đã được xếp vào loại vật liệu dễ nổ và bốc cháy dễ dàng hoặc gây ra cháy do bị cọ sát trong quá trình vận chuyển.

4.1/H4.2/ Vật liệu có thể bốc cháy bất thường

Vật liệu hoặc phế thải có thể tự nóng lên bất thường trong điều kiện vận chuyển bình thường hoặc tự nóng lên do tiếp xúc với không khí và lúc đó có thể tự nó bốc cháy.

4.3/H4.3/ Vật liệu hoặc phế thải khi tiếp xúc với nước thì tạo ra khí cháy. Vật liệu hoặc phế thải, do phản ứng với nước có khả năng cháy bất thường hoặc tạo ra khí cháy với số lượng nguy hiểm.

5.1/H5.1/ Vật liệu là nguyên liệu đốt cháy.

Vật liệu hoặc phế thải, không phải là nhiên liệu cũng là nguyên liệu đốt cháy, nhưng nói chung khi tiếp xúc với Oxy có thể gây ra hoặc tạo thuận lợi cho việc đốt cháy các vật liệu khác.

5.2/H5.2/ Peroxyde hữu cơ

Chất hữu cơ hoặc phế thải có kết cấu hai -O-O- là những chất không ổn định về nhiệt độ, có thể bị phân huỷ tạo nhiệt nhanh.

6.1/H6.1/ Độc tức (cấp tính).

Vật liệu hoặc phế thải có thể gây tử vong, thiệt hại trầm trọng hoặc huỷ hoại sức khoẻ con người.

6.2/H6.2/ Vật liệu gây bệnh

Vật liệu hoặc phế thải chứa các vi sinh vật sống hoặc độc tố của nó mà người ta biết hoặc có lý do để tin rằng nó gây bệnh cho gia súc hoặc cho con người.

8/H8/ Vật liệu ăn mòn.

Vật liệu hoặc phế thải, bằng phản ứng hoá học có thể gây thiệt hại nghiêm trọng cho các vật sống àm nó tiếp xúc hoặc trong những trường hợp dò rỉ, có thể gây thiệt hại nghiêm trọng, thậm chí phá huỷ các hàng hoá khác được vận chuyển hoặc các phương tiện vận chuyển và còn có thể chứa đựng các nguy hiểm khác.

9/H10/ Vật liệu giải phóng các khí độc, khi tiếp xúc với không khí ở mặt nước.

Vật liệu phế thải, do tiếp xúc với không khí hoặc nước, có khả năng sinh sản ra khí độc với số lượng nguy hiểm.

9/H11/ Chất độc 9tác hại khác hoặc kinh niên).

Vật liệu hoặc phế thải có thể gây tác hại khác nhau hoặc kinh niên, hoặc gây ung thư do ăn phải, hít thở phải hoặc ngấm vào da.

9/H12/ Vật liệu gây độc hại cho hệ sinh thái.

Vật liệu hoặc phế thải, nếu bị vớt bừa bãi, sẽ gây ra hoặc có nguy cơ gây ra tác động hại trước mắt hoặc sau này đối với môi trường.

9/H13/ Vật liệu sau khi tiêu huỷ có khả năng tạo ra, bằng bất cứ cách nào, một tính chất khác, chẳng hạn như một loại sản phẩm dùng để tẩy rửa và có một trong những đặc tính nêu trên.

Thí nghiệm

Những nguy hiểm mà một số loại chất thải có thể gây ra thì chưa được biết rõ lắm; không có thí nghiệm đánh giá mức độ của các nguy hiểm đó. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng là cần thiết nhằm xây dựng biện pháp để đặc tính hoá những nguy hiểm mà các loại phế thải này có thể gây ra đối với con người và môi trường. Những thí nghiệm theo tiêu chuẩn hoá đã được hệ thống lại đối với các tính chất và vật liệu nguyên chất.

Nhiều nước cũng đã được xây dựng các trung tâm thí nghiệm quốc gia mà người ta có thể áp dụng đối với các vật liệu cần tiêu huỷ theo biện pháp ghi trong phụ lục III của Công ước để quyết định xem các vật liệu này có một trong những đặc tính nào đó đã nêu trong công ước này.

PHỤ LỤC 4

CÔNG VIỆC TIÊU HUỶ

A. CÔNG VIỆC TIÊU HUỶ KHÔNG XUẤT PHÁT TỪ KHẢ NĂNG CÓ THỂ THU NHẬP LẠI ĐỂ TÁI CHẾ ĐỂ SỬ DỤNG LẠI, DÙNG LẠI TRỰC TIẾP HOẶC DÙNG LẠI DƯỚI DẠNG KHÁC NHAU.

Phần A này hệ thống lại tất cả các công việc tiêu huỷ phế thải theo thông lệ.

D1 Đổ phế thải ở trên hoặc trong lòng đất (chẳng hạn như đổ tự nhiên)

D2 Xử lý nơi đất liền (chẳng hạn đổ phế thải lòng hoặc bùn tự tiêu huỷ trong đất).

D3 Chôn sâu (chẳng hạn như các phế thải có thể được bơm vào các giếng, lỗ hổng của địa tầng...)

D4 Đổ xuống các chỗ (chẳng hạn đổ cá phế thải lòng hoặc dạng bùn xuống các giếng, hồ ao, thung lũng).

D5 Đổ phế thải có sự quản lý đặc biệt (chẳng hạn cho vào các thùng không thấm nước, đậy kín và để thùng nọ riêng với thùng kia và cách môi trường bên ngoài...)

D6 Đổ xuống nơi có nước (không phải nhấn chìm xuống biển).

D7 Nhấn chìm xuống biển (kể cả việc chôn xuống lòng biển)

D8 Xử lý bằng sinh học không theo quy định trong phụ bản này đưa đến những thành phần hoặc hợp chất sẽ được tiêu huỷ theo một trong những biện pháp nêu ở mục A này.

D9 Xử lý bằng phương pháp lý hoá theo quy định trong phụ bản này, đưa đến các thành phần hoặc hợp chất sẽ được tiêu huỷ theo một trong những biện pháp nêu ở mục A này (chẳng hạn như làm hơi, phơi khô, đốt thành than, trung tính hoá, làm đông đặc...)

D10 Đốt trên đất liền

D11 Đốt trên biển

D12 Cất giữ vĩnh viễn (chẳng hạn đặt các container phế thải trong một lòng mỏ)

D13 Tập hợp lại trước khi tiêu huỷ theo một trong các phương pháp nêu tại điểm A.

D14 Xử lý lại trước khi tiêu huỷ theo một trong các phương pháp nêu tại phần A.

D15 Tàng trữ lại trước khi tiêu huỷ theo một trong các biện pháp nêu tại phần A.

B. CÔNG VIỆC TIÊU HUỶ XUẤT PHÁT TỪ KHẢ NĂNG CÓ THỂ THU NHẬP LẠI, TÁI CHẾ, SỬ DỤNG LẠI, SỬ DỤNG LẠI TRỰC TIẾP HOẶC SỬ DỤNG LẠI DƯỚI CÁC DẠNG KHÁC NHAU.

Phần B này hệ thống tất cả các công việc tiêu huỷ liên quan đến các vật liệu được coi hoặc được xác định về mặt luật pháp là những phế thải nguy hiểm và các loại vật liệu không thuộc một trong những loại được tiêu huỷ được nêu trong mục A.

R1 Sử dụng như là chất đốt (không phải là đốt trực tiếp) hoặc bằng các phương tiện khác để sản xuất năng lượng.

R2 Thu hồi hoặc làm tái sinh các chất dung môi (solvents)

R3 Trái tế hoặc thu hồi các chất hữu cơ chưa được dùng làm chất dung môi.

R4 Tái chế hoặc thu hồi các loại kim loại hoặc thành phần kim loại.

R5 Tái chế hoặc thu hồi các vật liệu vô cơ.

R6 Làm tái sinh a-xít hoặc chất kiềm (ba zơ)

R7 Thu hồi các sản phẩm dùng để phá huỷ các chất gây ô nhiễm.

R8 Thu hồi các sản phẩm từ các chất xúc tác.

R10 Rải xuống đất để phục vụ cho nông nghiệp và sinh thái.

R11 Sử dụng các vật liệu thừa thu được từ một trong các công việc từ R1 đến R10.

R12 Trao đổi các phế thải để xử lý theo một trong các loại công việc từ R1 đến R11.

R13 dự trữ các vật liệu để xử lý theo một trong những các loại công việc nêu trong phần B.

PHỤ LỤC 5A

NHỮNG THÔNG TIN CẦN CUNG CẤP KHI THÔNG BÁO

1 Lý do xuất khẩu phế thải.

2. Người xuất khẩu phế thải (1)

3. Người (hoặc những người) sản xuất phế thải và nơi sản sinh(1)

4 Người tiêu huỷ các phế thải và nơi tiêu huỷ phế thải(1)

5. Người (hoặc những người) chuyên chở phế thải hoặc những người cụ thể (khi đã biết)(1)

6 Nước xuất khẩu phế thải

7. Nước quá cảnh được dự kiến

Cơ quan có thẩm quyền (2)

8. Nước nhập khẩu phế thải phải

Cơ quan có thẩm quyền (2)

9. Thông báo chung hoặc thông báo duy nhất.

10. Ngày dự kiến chuyển giao, thời hạn của việc xuất khẩu phế thải và đường đi dự kiến, (nhất là những cửa ngõ nguy hiểm và cửa khẩu xuất) (3)

11 Phương tiện vận chuyển (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường không, đường nội thủy...)

12. Những thông tin về bảo hiểm. (4)

13 Tên gọi và mô tả vật chất phế thải, bao gồm cả số H và số ONU, cấu tạo phế thải (5) và những thông tin về tất cả cơ cấu đặc biệt liên quan đến điều hành, nhất là những biện pháp khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn.

14. Loại dụng cụ chứa đựng (không đóng gói, đựng trong thùng gỗ hoặc thùng trong thùng sắt đậy kín).

15 Khối lượng ước tính về trọng lượng và khối lượng. (6)

16 Quá trình đưa đến phế thải.(7)

17 Đối với các phế thải nêu ở phụ bản I, việc xếp loại ở phụ bản III, đặc tính nguy hiểm, số H, loại của ONU>

18 Thể thức tiêu hủy theo phụ bản IV.

19 Tuyên bố (lời khai) của người sản xuất hoặc người xuất khẩu xác nhận sự chính xác của các thông tin.

20 Những thông tin (gồm mô tả thiết bị) do người tiêu hủy phế thải thông báo cho người xuất khẩu hoặc cho người sản xuất phế thải và dựa trên thông báo đó người tiêu hủy phế thải có đầy đủ cơ sở để cho rằng không có lý do gì để tin rằng phế thải không được quản lý theo phương pháp thích hợp với sinh thái phù hợp với luật pháp và quy định của nước nhập khẩu.

21 Tin tức liên quan đến hợp đồng ký kết giữa người xuất khẩu và người tiêu hủy.

Ghi nhớ

(1): Tên và địa chỉ đầy đủ, số điện thoại, telex, fax, cũng như Tên, địa chỉ, số điện thoại, telex, fax của người cần liên hệ.

(2): Tên, địa chỉ đầy đủ, số điện thoại, telex, fax.

(3): Trong trường hợp thông báo chung cho nhiều lần chuyển giao, chỉ rõ ngày tháng vận chuyển, hoặc nếu chưa biết ngày vận chuyển thì thông báo nhịp độ vận chuyển.

(4): Thông báo về các điều kiện liên quan đến bảo hiểm và về cách thức mà người xuất khẩu, người vận chuyển và người tiêu hủy phế thải phải hoàn thành.

(5): Nói rõ thực chất và việc tập trung các thành phần nguy hiểm về mặt độc hại và các nguy hiểm khác cho việc xử lý cũng như việc tiêu hủy.

(6): Trong trường hợp thông báo chung cho nhiều lần chuyển giao, chỉ rõ số lượng tổng cộng cho mỗi lần.

(7): Trong khuôn khổ mà những thông tin này cần thiết cho việc đánh giá sự nguy hiểm và xác định giá trị của việc thực hiện tiêu huỷ.

PHỤ LỤC 5B

NHỮNG THÔNG TIN CẦN CUNG CẤP TRONG GIẤY TỜ VẬN CHUYỂN

1. Người xuất khẩu phế thải (1)
2. Người sản xuất phế thải và nơi sản xuất (1)
3. Người tiêu huỷ phế thải và nơi tiêu huỷ (1)
4. Người vận chuyển phế thải hoặc cơ quan vận chuyển (1)
5. Chủ đề thông báo chung hay thông báo riêng biệt.
6. Ngày xuất phát việc chuyên chở phế thải và ngày ký nhận phế thải (do những người có trách nhiệm)
7. Phương tiện vận tải (đường bộ, đường sắt, đường nội thủy, đường biển, đường không) gồm của nước xuất khẩu, nước quá cảnh, nước nhập khẩu cũng như các cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh nếu biết trước.
8. Mô tả chung về phế thải (tình trạng vật chất, tên gọi chính xác và loại gửi đi dưới ký hiệu ONU, số ONU, số Y và số H nếu có).
9. Thông tin về các điều khoản đặc biệt liên quan tới việc xử lý, bao gồm cả biện pháp can thiệp khi xảy ra tai nạn.
10. Thể loại và số lượng kiện, gói.
11. Số lượng về trọng lượng cũng như về khối lượng.
12. Tuyên bố của người sản xuất hoặc người xuất khẩu xác nhận độ chính xác của các thông tin.
13. Tuyên bố của người sản xuất hoặc người xuất khẩu xác nhận không có sự phản đối của các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia liên quan là Bên tham gia Công ước.
14. Xác nhận của người tiêu huỷ về việc đã tiếp nhận vào cơ sở tiêu huỷ đã được chỉ định và chỉ rõ biện pháp tiêu huỷ và người dự kiến tiêu huỷ.

Ghi chú

Các tin tức cần cung cấp về giấy tờ vận chuyển, trong điều kiện có thể, phải được tập hợp trong cùng văn bản với các thông tin do thể lệ vận chuyển đòi hỏi. Trong trường hợp không thể có được những thông tin do thể lệ vận chuyển đòi hỏi. Giấy tờ vận chuyển sẽ bao hàm những chỉ thị về người có đủ tư cách cung cấp thông tin và điền vào mẫu các tờ khai.

(1) Tên và địa chỉ đầy đủ, số điện thoại, telex, fax cũng như tên, địa chỉ, và số điện thoại, telex, fax của người cần liên hệ trong trường hợp khẩn cấp.

PHỤ LỤC 6

TRỌNG TÀI

Điều 1. Ngoại trừ những quy định trái với thoả thuận ghi trong Điều 20 của Công ước này, thủ tục về trọng tài được thực hiện theo các điều khoản ghi trong các điều từ 2 đến 10 dưới đây.

Điều 2. Bên khởi tố thông báo cho Ban thư ký rằng các Bên tham gia đã thoả thuận đưa tranh chấp ra cơ quan trọng tài phù hợp với đoạn hai hoặc đoạn ba của Điều 20 của Công ước, bằng

cách chỉ rõ rằng các điều khoản của Công ước mà việc giải thích và áp dụng đã bị vi phạm. Ban thư ký thông báo những thông tin đó đúng như họ đã nhận được cho các Bên tham gia.

Điều 3. Toà án trọng tài gồm 3 thành viên. Mỗi Bên tham gia có tranh chấp cử một trọng tài và 2 trọng tài đã được chỉ định, thoả thuận với nhau cử một trọng tài thứ 3 và người này giữ chức chủ tịch của toà án. Người trọng tài thứ 3 không được là công dân một trong các Bên tham gia Công ước, cũng không sống thường trực trên lãnh thổ của một trong các Bên tham gia, cũng không phải là người đã phục vụ (làm việc) cho một trong những Bên tham gia, cũng không giữ chức vụ gì trong vụ tranh chấp này.

Điều 4.

1. Nếu trong thời hạn 2 tháng kể từ khi chỉ định được người trọng tài thứ 2, mà Chủ tịch toà án chưa được chỉ định, thì Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ tiến hành chỉ định Chủ tịch toà án theo yêu cầu của một trong các Bên tham gia cũng trong thời hạn là 2 tháng.

2. Nếu trong thời hạn 2 tháng sau khi nhận được yêu cầu, một trong các Bên tham gia có tranh chấp không cử trọng tài, Bên tham gia kia có thể yêu cầu Tổng thư ký chỉ định Chủ tịch cơ quan trọng tài trong thời hạn hai tháng. Ngay khi được cử làm Chủ tịch, Chủ tịch toà án trọng tài yêu cầu Bên tham gia chưa cử trọng tài phải tiến hành cử trọng tài trong vòng hai tháng. Quá thời hạn trên, Chủ tịch toà án trọng tài yêu cầu Tổng thư ký Liên Hợp Quốc chỉ định người trọng tài nói trên trong thời hạn 2 tháng.

Điều 5. Toà án tuyên án phù hợp luật pháp quốc tế và các điều khoản của Công ước này.

Mọi toà án được thành lập theo các điều khoản của phụ bản này từ xây dựng thể lệ riêng cho họ.

Điều 6. Các quyết định của toà án trọng tài về mặt thủ tục cũng như về mặt nội dung phải được thông qua bằng đa số tổng thành viên của nó.

Toà án có thể dùng mọi biện pháp thích hợp để xây dựng sự việc. Toà án theo yêu cầu của một trong các Bên tham gia, có thể khuyến nghị những biện pháp bảo vệ cần thiết.

Các Bên tham gia trong vụ tranh chấp sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho việc tiến hành vụ án.

Sự vắng mặt hoặc không có đại diện của một Bên tham gia không cản trở quá trình tiến hành xử án.

Điều 7. Toà án có thể biết và quyết định về những yêu cầu làm giám sát động trực tiếp liên quan đến đối tượng của sự tranh chấp.

Điều 8. Ngoại trừ việc toà án quyết định khác do điều kiện đặc biệt của sự việc, các chi tiêu cho toà án, gồm cả tiền thù lao cho các thành viên của mình sẽ chia đều cho các Bên tham gia trong vụ tranh chấp. Toà án sẽ thanh toán tất cả các chi tiêu và sẽ cung cấp 1 quyết toán cuối cùng cho các Bên tham gia.

Điều 9. Về đối tượng của vụ tranh chấp, tất cả các Bên tham gia nếu thấy quyết định của toà án ảnh hưởng tới quyền lợi về mặt pháp lý thì có thể có can thiệp về thủ tục, với sự đồng ý của toà án.

Điều 10.

1. Toà án phải tuyên án trong thời hạn 5 tháng kể từ ngày nó được thành lập, trừ khi toà án thấy cần thiết phải kéo dài thời hạn này một thời gian không được quá 5 tháng nữa.

2. Tuyên án của toà án trọng tài là phải có căn cứ. án đó là vĩnh viễn và bắt buộc đối với mọi Bên tham gia tranh chấp.

3. Mọi tranh chấp có thể nảy sinh giữa các Bên tham gia về việc giải thích và thực hiện bản án đều có thể được một trong hai Bên tham gia đệ trình toà án trọng tài đã thông qua bản án đó hoặc nếu không thể đưa ra toà án đó được thì đưa ra một toà án khác được lập ra để giải quyết việc này theo thủ tục như đã thành lập toà án đầu tiên.